TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 268/2024/HC-PT
Ngày: 22/7/2024
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**
Các Thẩm phán: Ông **Trương Công Thi**
Ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà*:** bà **Bùi Ngô Ý Nhi** - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 78/2024/TLPT-HC ngày 13 tháng 3 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".*
Do Bản án Hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.
Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1307/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:
- *Người khởi kiện:* Ông Lê Ngọc P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số C N, thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
- *Người bị kiện:*
1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Đại T - Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:
1. Ông Trương Văn C – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Võ Quang H – Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1971; địa chỉ: Số C N, thôn H, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện ông Lê Ngọc P trình bày:*

Về nguồn gốc đất sử dụng: Gia đình tôi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 349223/QSDĐ/AH ngày 10/12/2002 và được cập nhật thay đổi biến động ngày 13/5/2009 từ năm 2009 với diện tích 964m^2, trong đó 240m^2 đất ở và 724m^2 đất trồng cà phê (diện tích thực tế là 704,8m^2) và sử dụng ổn định từ đó đến nay không tranh chấp.

Ngày 24/3/2016, UBND thành phố B ban hành Thông báo về việc thu hồi đất của ông Lê Ngọc P để thực hiện dự án Đường Đ thành phố B. Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H) của hộ gia đình ông Lê Ngọc P, bà Nguyễn Thị C1 với diện tích 483,5m^2, trong đó 170m^2 đất ở; 293,3m^2 đất trồng cây lâu năm; 20,2m^2 đất lấn chiếm chỉ giới giao thông. Diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Lê Ngọc P là: 221,3m^2 (Trong đó: 70m^2 đất ở, 151,3m^2 đất trồng cây lâu năm).

Nhận thấy gia đình tôi thuộc trường hợp được cấp tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và tôi làm đơn đề nghị giao đất tái định cư đến Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B nhưng được trả lời là mặt bằng giao đất ở chưa có. Đồng thời, tại Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Tại Mục 1.4 về phương án tái định cư (trang 14, 15) có nêu nội dung: *"Vị trí thu hồi đất thuộc xã H, thành phố B, tuy nhiên do các hộ không nhận đất tái định cư ở vị trí khác trên địa bàn thành phố, mà có nhu cầu nhận đất tái định cư tại khu dân cư thôn A, xã H (hiện nay đang giải phóng mặt bằng, chưa đầu tư cơ sở hạ tầng)... Như vậy việc tái định cư sẽ được giải quyết sau do yêu cầu của các hộ bị thu hồi đất, chứ không thuộc trường hợp UBND thành phố B không bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật"*.

Ngày 19/5/2023, gia đình tôi có đơn gửi UBND thành phố B đề nghị giao 1 suất tái định cư. Đến ngày 14/6/2023 UBND thành phố B có Công văn số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn cho ông P là không có cơ sở thực hiện theo Mục 1.4 của Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Không đồng ý với việc trả lời trên nên tôi đã khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

Tuyên hủy Công văn số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ ngày 14/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời đơn của ông Lê Ngọc P.
Buộc UBND thành phố B giao đất tái định cư cho ông Lê Ngọc P theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
** Theo bản tự khai người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân thành phố B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, ông Lê Đại T trình bày:*
Ông Lê Ngọc P đang sử dụng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 60-1, tổng diện diện tích 704,8 m^2 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố B (địa bàn xã H) đã thu hồi một phần diện tích đất trên của ông Lê Ngọc P với diện tích đất thu hồi là 483.5m^2, trong đó 170m^2 đất ở; 293,3m^2 đất trồng cây lâu năm; 20,2m^2 đất lấn chiếm chỉ giới giao thông. Sau khi thu hồi thì ông P còn lại 221,3m^2 (Trong đó: 70m^2 đất ở và 151,3m^2 đất trồng cây lâu năm).
Không đồng ý với Quyết định của UBND thành phố B ông Lê Ngọc P đã khởi kiện lên Tòa Án nhân dân các cấp. Ngày 15/3/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát hành Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT. Ông P có đơn đề nghị thực hiện theo nội dung của Bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị UBND thành phố B giao 01 suất đất tái định cư cho hộ ông P. Tuy nhiên, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 7 Quyết định 36/2014/QĐ-UBND, ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh Đ quy định "Đối với các xã: Diện tích bằng hoặc lớn hơn 60m^2, chiều rộng bằng hoặc lớn hơn 4m" thì diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Lê Ngọc P là 221,3m^2 (trong đó: 70m^2 đất ở, 151,3m^2 đất trồng cây lâu năm) theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất tại (Thửa đất số 80; Tờ bản đồ số 60-1) xã H, thành phố B đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và được xây dựng nhà ở theo quy định.
Do đó, ngày 14/6/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B có Công văn số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn cho ông P là không có cơ sở thực hiện theo Mục 1.4 của Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là đúng quy định vì trường hợp hộ ông Lê Ngọc P không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Vì vậy, các nội dung khởi kiện của ông Lê Ngọc P là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Ngọc P.
Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:
Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 143, Điều 116, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 75 Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;
Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
Tuyên xử:
Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc P.
Hủy Văn bản số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ ngày 14/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời đơn của ông Lê Ngọc P.
Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành phương án bố trí 01 thửa đất tại nơi tái định cư theo quy định pháp luật cho hộ ông Lê Ngọc P.
Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.
Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/01/2024 UBND thành phố B có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và xin xét xử vắng mặt.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:
[1]. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện vắng mặt, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần 2 nhưng vẫn vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự nói trên. Xét việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.
[2]. Về phần nội dung kháng cáo trong đơn xin xét xử vắng mặt:
Ông Lê Ngọc P đang sử dụng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 60-1, tổng diện diện tích 704,8 m^2 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
Ngày 24/01/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ban hành Quyết định số 710/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Đ, thành phố

B (địa bàn xã H) đã thu hồi một phần diện tích đất trên của ông Lê Ngọc P với diện tích đất thu hồi là 483.5m^2, trong đó 170m^2 đất ở; 293,3m^2 đất trồng cây lâu năm; 20,2m^2 đất lấn chiếm chỉ giới giao thông. Sau khi thu hồi thì ông P còn lại 221,3m^2 (Trong đó: 70 m^2 đất ở và 151,3 m^2 đất trồng cây lâu năm).

Không đồng ý với Quyết định của UBND thành phố B ông Lê Ngọc P đã khởi kiện lên Tòa án nhân dân các cấp. Ngày 15/3/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát hành Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT. Ông P có đơn đề nghị thực hiện theo nội dung của Bản án phúc thẩm nêu trên, đề nghị UBND thành phố B giao 01 suất đất tái định cư cho hộ ông P. Tuy nhiên, căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 7 Quyết định 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh Đ quy định: *"Đối với các xã: Diện tích bằng hoặc lớn hơn 60m^2, chiều rộng bằng hoặc lớn hơn 4m"* thì diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Lê Ngọc P là 221,3m^2 (trong đó: 70m^2 đất ở, 151,3m^2 đất trồng cây lâu năm) theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất tại (Thửa đất số 80; Tờ bản đồ số 60-1) xã H, thành phố B đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và được xây dựng nhà ở theo quy định.

Do đó, ngày 14/6/2023, Ủy ban nhân dân thành phố B có Công văn số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ về việc trả lời đơn cho ông P là không có cơ sở thực hiện theo Mục 1.4 của Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là đúng quy định vì trường hợp hộ ông Lê Ngọc P không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014**.** Vì vậy, các nội dung khởi kiện của ông Lê Ngọc P là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố B, tuyên hủy bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 10/01/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

Xét kháng cáo thì thấy:

Văn bản số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ ngày 14/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời đơn của ông Lê Ngọc P và buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ký Quyết định giao đất tái định cư cho ông Lê Ngọc P theo quy định tại Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Điều 1 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ quy định: "*1. Quy định này quy định việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk"*.

Theo đó, tại điểm c khoản 1 Điều 4 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đ quy định bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất ở như sau: "*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ở khi Nhà nước thu hồi đất ở mà đủ điều kiện được bồi thường quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thì được bồi thường bằng việc giao đất ở, cụ thể như sau: Trường hợp diện tích còn lại sau thu hồi lớn hơn hạn mức tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (không phải di chuyển chỗ ở) thì diện tích thu hồi được bồi thường bằng tiền.*

Đối với địa phương có điều kiện về quỹ đất nếu diện tích thu hồi lớn hơn 50% diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư thì được giao đất ở tại nơi tái định cư. Căn cứ vào diện tích thu hồi và diện tích một thửa đất tại nơi tái định cư để giao số thửa tương ứng với diện tích thu hồi."

Diện tích đất bị thu hồi của ông P, bà C1 đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013, diện tích đất còn lại là 221,3m^2 (trong đó có 70m^2 đất ở), lớn hơn hạn mức tách thửa, đã được bồi thường bằng tiền. Ông P có nhu cầu được giao đất ở tại nơi tái định cư. Căn cứ quy định trên thì có cơ sở để xem xét việc giao đất có thu tiền sử dụng đất cho ông P theo điều kiện quỹ đất địa phương.

Tuy nhiên, tại Văn bản số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ ngày 14/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời đơn của ông Lê Ngọc P cho rằng: Trường hợp hộ ông Lê Ngọc P không thuộc quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ nên UBND thành phố B không giao suất tái định cư cho gia đình ông P vì khi thực hiện dự án Đường Đ, thành phố B thì ông Lê Ngọc P bị thu hồi 483,5m^2 đất (trong đó có 170m^2 đất ở). Diện tích đất còn lại sau khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông Lê Ngọc P là: 221,3m^2 (Trong đó: 70m^2 đất ở, 151,3m^2 đất trồng cây lâu năm), đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận QSD đất theo Điều 82 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định 36/2014/QĐ-UBND ngày 17/10/2014 của UBND tỉnh Đ và được xây dựng nhà ở theo quy định. Theo đó, UBND thành phố B chỉ căn cứ vào việc diện tích đất còn lại của ông P đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận nên không giao đất tái định cư là chưa đúng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông P, bà C1.

Đồng thời, ngày 15/3/2023 Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Bản án phúc thẩm số 84/2023/HC-PT. Tại Mục 1.4 về phương án tái định cư (trang 14, 15) có nêu: "*Vị trí thu hồi đất thuộc xã H, thành phố B, tuy nhiên do các hộ không nhận đất tái định cư ở vị trí khác trên địa bàn thành phố, mà có nhu cầu nhận đất tái định cư tại khu dân cư thôn A, xã H (hiện nay đang giải phóng mặt bằng, chưa đầu tư cơ sở hạ tầng)... Như vậy việc tái định cư sẽ được giải quyết sau do yêu cầu của các hộ bị thu hồi đất, chứ không thuộc trường hợp UBND thành phố B không bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật*". Tại thời thời điểm trên, ông P chưa có căn cứ biết hay không biết việc ông có được bố trí tái định cư hay không và phía người bị kiện cũng không cung cấp được tài liệu việc công bố danh sách các hộ không được suất tái định cư hay các văn bản nào liên quan đến việc hộ ông P không được bố trí suất tái định cư theo quy định. Vì vậy, khi ông P có nhu cầu được giao đất ở tại nơi tái định cư nhưng Ủy ban nhân dân thành phố thành phố B trả lời ông P không thuộc trường hợp được giao đất tái định cư là không đúng quy định.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy rằng không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 10/01/2024 của TAND tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do bị bác kháng cáo nên Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Bác toàn bộ kháng cáo của người bị kiện là UBND thành phố B.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 143, Điều 116, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc P.

Hủy Văn bản số 2239/CV-UBND-TTPTQĐ ngày 14/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc trả lời đơn của ông Lê Ngọc P.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành phương án bố trí 01 thửa đất tại nơi tái định cư theo quy định pháp luật cho hộ ông Lê Ngọc P.

2. Về án phí:

Ủy ban nhân dân thành phố B phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hành chính phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Anh Dũng